

Trường : THCS MỸ THẮNG

Tổ : KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Họ và tên : Phạm Thị Mơ

Ngày soạn : 20/09/2022

Tiết : 103,104 . Tên bài kiểm tra : Kiểm tra giữa kì II môn KHTN6

Bộ sách : Cánh diều. Thời gian : 90 phút

I, MỤC TIÊU

1. Năng lực KHTN

Năng lực nhận thức KHTN :

- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.
- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).
- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.
- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).
- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).
- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).
- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.
- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.
- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.
- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).
- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.
- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.
- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).
- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.
- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.
- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.
- Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo).
- Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.
- Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.

Năng lực tìm hiểu KHTN:

- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...
- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.
- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.
- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).

2, Phẩm chất.

- **Chăm chỉ:** Tích cực nghiên cứu tài liệu ở nhà để thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

- **Trách nhiệm:** Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

- **Trung thực:** Trung thực trong quá trình làm bài kiểm tra

II, YÊU CẦU

1. Giáo viên .

- Xây dựng đề kiểm tra theo khung ma trận và bản đặc tả.

2. Học sinh.

- Ôn tập kiến thức đã học.

III. TIẾN TRÌNH

Tiết	Hoạt động	Tên bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
1	60 phút	Kiểm tra giữa kì II	Kiểm tra viết	Bài kiểm tra (TN+TL)
2	30 phút	Chữa bài kiểm tra		Bài kiểm tra (TN+TL)

1. Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

- **Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu, mỗi câu 0,25 điểm)

+ Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

+ Nội dung kiểm tra: từ bài 18 (Đa dạng nấm) đến bài 27 (Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc).

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu (TN/số ý TL)		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệ m	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1. Đa dạng nấm		1		2							0,75
2. Đa dạng thực vật	1	4									2,0
3. Đa dạng động vật		3	1	1	1						3,0
4. Đa dạng sinh học		1			1						1,25
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên							1				1,0
6. Lực và tác dụng của lực		2	1/2	1							1,25
7. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc		1	1/2								0,75
Số câu	1	12	2	4	2	0	1	0	6	20	10
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	4.0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

2. Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Đa dạng nấm				3		
- Sự đa dạng nấm. - Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra.	Nhận biết			1		
		Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C1
	Thông hiểu			2		
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		1		C2
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.		1		C3
	Vận dụng					
		Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
	Vận dụng cao					
		Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...				
2. Đa dạng thực vật			1	4		
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết		1	4		
		- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		3		C4, C5, C6,
		- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo	1	1		C7, C17

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).				
	Vận dụng					
		Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				
3. Đa dạng động vật			2	7		
- Sự đa dạng. - Thực hành.	Nhận biết			3		
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống và các nhóm động vật có xương sống.		2		C8, C9,
		Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.		1		C10
	Thông hiểu		1	2		
		- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.	1/3		C1 8 (ý c)	
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.	1/3		C1 8(ý a, b)	
		- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.	1/3	1	C1 8 (ý a,b)	C12
	Vận dụng		1			
		Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
		Vận dụng hiểu biết về các nhóm động vật đề xuất các biện pháp hạn chế tác hại của các loài động vật trong thực tiễn cuộc sống.	1		C2 0	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
4. Đa dạng sinh học			1	1		
	Nhận biết			1		
		Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)		1		C11
	Vận dụng		1			
		Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.	1		C2 1	
5. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.			1			
	Vận dụng cao		1			
		- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.				
		- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).				
		- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.	1		C1 9	
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
		- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
		- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
6. Lực và tác dụng của lực			1	3		
	Nhận biết					
		- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		1		C14
		- Nêu được đơn vị lực đo lực.				
		- Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		thay đổi tốc độ.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.		1		C15
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.				
	Thông hiểu					
		- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.	1/2		C2 2(a)	
		- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).		1		C13
	Vận dụng					
		- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.				
7. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc						
	Nhận biết					
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.				
		- Lấy được vi dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.		1		C16
	Thông hiểu					
		- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.				
- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.		1/2		C2 2(b)		

3. Đề kiểm tra

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài 60 phút

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Trong các bệnh sau đây, bệnh nào **không** do nấm gây nên?

- A. Hắc bào.
- B. Lang ben.
- C. Sốt xuất huyết.
- D. Nấm da đầu.

Câu 2: Đặc điểm nào dưới đây của nấm giống với vi khuẩn?

- A. Một số đại diện có cơ thể đơn bào.
- B. Cơ thể được cấu tạo từ các tế bào nhân thực.
- C. Có lối sống dị dưỡng: kí sinh hoặc hoại sinh.
- D. Thành phần cấu tạo bằng chất kitin.

Câu 3: Biện pháp nào dưới đây **không được** sử dụng để phòng bệnh nấm da?

- A. Vệ sinh cơ thể sạch sẽ.
- B. Dùng chung đồ dùng với người bị bệnh nấm da.
- C. Không tiếp xúc cơ thể với người bị bệnh nấm da.
- D. Thăm khám thú ý, diệt nấm định kì cho vật nuôi.

Câu 4: Thực vật được chia thành các ngành nào?

- A. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.
- B. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.
- C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.
- D. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

Câu 5: Trong các cây sau: phong lan, rau bợ, rêu, hoa hồng, nhãn, thông, bưởi. Có bao nhiêu cây được xếp vào nhóm thực vật có hoa?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 6: Bộ phận nào dưới đây chỉ xuất hiện ở ngành Hạt trần mà không xuất hiện ở các ngành khác?

- A. Quả.
- B. Hoa.
- C. Noãn.
- D. Rể.

Câu 7: Vì sao ở vùng đồi núi nơi có rừng sẽ ít xảy ra sạt lở, xói mòn đất?

- A. Vì đất ở khu vực đó là đất sét nên không bị xói mòn.
- B. Vì lượng mưa ở khu vực đó thấp hơn lượng mưa ở khu vực khác.
- C. Vì các tán cây, rễ cây giảm lực chảy của dòng nước, rễ cây giữ đất.
- D. Vì nước sẽ bị hấp thu hết trở thành nước ngầm khiến tốc độ dòng chảy giảm.

Câu 8: Nhóm động vật nào dưới đây gồm toàn Động vật không xương sống?

- A. Cua, chuồn chuồn, cá chép.
- B. Ong, ve, thằn lằn.
- C. Bướm, tôm, cua đồng.
- D. Nhện, ong, ếch đồng.

Câu 9: Nhóm động vật nào sau đây **không thuộc** Động vật có xương sống?

- A. Bò sát.
- B. Thân mềm.
- C. Lưỡng cư.
- D. Thú.

Câu 10: Nhóm động vật nào dưới đây gây hại cho nông nghiệp?

- A. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chuột đồng.
- B. Ốc bươu vàng, ong, châu chấu, chuột đồng.
- C. Ốc bươu vàng, ốc sên, châu chấu, chim sâu.
- D. Ốc sên, châu chấu, chuột đồng, cú mèo.

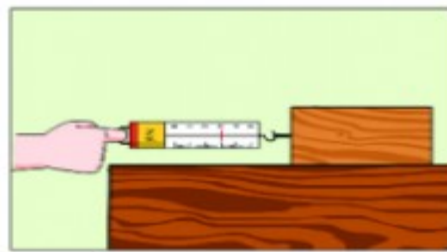
Câu 11: Điều không phải là vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn?

- A. Cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm.
- B. Phân hủy chất thải động vật và xác sinh vật.
- C. Cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho các hoạt động sản xuất của con người.
- D. Cung cấp dược liệu để làm thuốc và các loại thực phẩm chức năng.

Câu 12: Căn cứ chủ yếu để xếp cá voi vào lớp Thú là nhờ đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có bộ xương trong, trong đó có xương sống ở dọc lưng.
- B. đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.
- C. Có bộ lông mao bao phủ khắp cơ thể.
- D. Có răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm.

Câu 13: Độ lớn lực kéo khối gỗ (hình vẽ) là 3N. Hình nào biểu diễn đúng lực kéo của khối gỗ (cho tỉ lệ xích 1cm ứng với 1,5N)?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 4.
- B. Hình 3.
- C. Hình 1.
- D. Hình 2.

Câu 14: Đơn vị đo nào sau đây dùng để đo lực?

- A. Kg.
- B. N.
- C. m.
- D. °C.

Câu 15: Hoạt động nào dưới đây **không** cần dùng đến lực?

- A. Đọc 1 trang sách.
- B. Kéo 1 gầu nước.
- C. Nâng 1 tấm gỗ.

D. Đẩy 1 chiếc xe.

Câu 16: Trong các hoạt động sau:

1. Học sinh dùng tay uốn cây thước dẻo.
2. Thả quỳến sách trên không, rơi xuống đất.
3. Thợ rèn dùng búa đập vào thanh sắt nung.
4. Máy bay giấy bay lên nhờ gió.

Số hoạt động xuất hiện lực tiếp xúc là:

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Phần II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu 17 (1,0 điểm):

Nêu vai trò của thực vật đối với đời sống con người và tự nhiên. Mỗi vai trò lấy một ví dụ minh họa.

Câu 18 (1,0 điểm):

Quan sát hình vẽ dưới đây. Hãy cho biết:

- a) Tên các loài động vật đó và nêu vai trò của mỗi đại diện.
- b) Chúng thuộc ngành nào của động vật không xương sống hoặc lớp nào của động vật có xương sống?
- c) Điểm khác nhau cơ bản về đặc điểm cơ thể của 2 loài động vật nêu trên?



Hình 1



Hình 2

Câu 19 (1,0 điểm):

Xây dựng khóa lưỡng phân để nhận biết các động vật có tên sau: gà, chó, cá chép, giun đất, ốc sên.

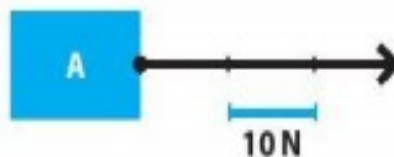
Câu 20 (1,0 điểm):

Việt Nam có tỉ lệ trẻ em bị nhiễm giun sán khá cao. Nhiều loài giun sán kí sinh trong cơ thể người, sinh sôi phát triển, gây bệnh khiến cơ thể gầy yếu, thiếu máu, ... Em hãy đưa ra biện pháp phòng tránh các bệnh giun sán kí sinh ở người.

Câu 21 (1,0 điểm): Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Là học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học?

Câu 22 (1,0 điểm) :

a) Nêu phương, chiều và độ lớn của lực trong hình vẽ?



b) Em hãy lấy một ví dụ về lực tiếp xúc, một ví dụ về lực không tiếp xúc trong thực tế?

.....Hết

4. Hướng dẫn chấm và biểu điểm.

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	A	B	C	C	C
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	A	B	B	A	B	A	A

Phần II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm												
Câu 17 (1,0 điểm)	Vai trò của thực vật với đời sống con người – Làm lương thực, thực phẩm: lúa gạo – Làm thuốc, gia vị: Rau ngải cứu – Làm đồ dùng và giấy: thông – Làm cây cảnh và trang trí: hoa hồng – Cho bóng mát và điều hòa không khí: Cây bàng	0,25 0,25 0,25 0,25												
Câu 18 (1,0 điểm)	* Tên và vai trò, phân loại <table><tr><th>STT</th><th>Tên</th><th>Vai trò</th><th>Phân loại</th></tr><tr><td>Hình 1</td><td>Con ong</td><td>Thụ phấn cho hoa, cho mật ong</td><td>Ngành Chân khớp của ĐVKXS</td></tr><tr><td>Hình 2</td><td>con cá chép</td><td>Làm thực phẩm</td><td>Lớp Cá của ĐVCXS</td></tr></table> * Điểm khác nhau: ĐVKXS cơ thể không có xương sống còn ĐVCXS cơ thể có xương sống	STT	Tên	Vai trò	Phân loại	Hình 1	Con ong	Thụ phấn cho hoa, cho mật ong	Ngành Chân khớp của ĐVKXS	Hình 2	con cá chép	Làm thực phẩm	Lớp Cá của ĐVCXS	0,375 0,375 0,25
STT	Tên	Vai trò	Phân loại											
Hình 1	Con ong	Thụ phấn cho hoa, cho mật ong	Ngành Chân khớp của ĐVKXS											
Hình 2	con cá chép	Làm thực phẩm	Lớp Cá của ĐVCXS											
Câu 19 (1,0 điểm)	Động vật (gà, chó, cá chép, giun đất, ốc sên) ĐVKXS (giun đất, ốc sên) ĐVCXS (gà, chó, cá chép) Ngành Giun đốt Ngành Thân mềm Lớp Cá (cá) Lớp Chim (gà) Lớp Thú (chó)	1,0												

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 20 (1,0 điểm)	Các biện pháp phòng tránh các bệnh giun sán kí sinh ở người : - Không ăn đồ sống, nên ăn đồ ăn được nấu chín, uống nước đun sôi - Giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ: Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, cắt móng tay thường xuyên, không đi chân đất. - Vệ sinh môi trường sống sạch sẽ. - Tẩy giun định kì 6 tháng/ lần.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 21 (1,0 điểm)	a) Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì: - Đa dạng sinh học có vai trò quan trọng đối với tự nhiên và cuộc sống của con người. - Sự suy giảm đa dạng sinh học sẽ ảnh hưởng tới con người và các loài sinh vật; ảnh hưởng tới nguồn lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, dược liệu... b) Những việc làm góp phần bảo tồn đa dạng sinh học: - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (trồng cây xanh, không vứt rác bừa bãi ...) - Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 22 (1,0 điểm)	a) Lực biểu diễn trong hình vẽ: - Phương: nằm ngang - Chiều: từ trái sang phải - Độ lớn: 30 N b) - VD1: Dùng búa đóng một cái đinh lực mà búa tác dụng lên đinh là lực tiếp xúc. - VD2: Dùng nam châm hút một viên bi sắt, lực mà nam châm tác dụng lên viên bi sắt là lực không tiếp xúc.	0,5 0,25 0,25

5, Phụ Lục

6, Nhận xét.